

**HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI KỲ \_ HỌC KỲ II  
NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN: TOÁN - KHỐI 11**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

*Phần kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm khách quan gồm 20 câu/mỗi mã đề.*

**1. Mã đề thứ 1**

| MÃ ĐỀ 124 |        |     |        |     |        |     |        | Ghi chú |
|-----------|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|---------|
| Câu       | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án |         |
| 1         | B      | 11  | A      | 21  |        | 31  |        |         |
| 2         | A      | 12  | C      | 22  |        | 32  |        |         |
| 3         | A      | 13  | D      | 23  |        | 33  |        |         |
| 4         | C      | 14  | B      | 24  |        | 34  |        |         |
| 5         | A      | 15  | D      | 25  |        | 35  |        |         |
| 6         | B      | 16  | D      | 26  |        | 36  |        |         |
| 7         | D      | 17  | A      | 27  |        | 37  |        |         |
| 8         | A      | 18  | A      | 28  |        | 38  |        |         |
| 9         | C      | 19  | B      | 29  |        | 39  |        |         |
| 10        | D      | 20  | C      | 30  |        | 40  |        |         |

**2. Mã đề thứ 2**

| MÃ ĐỀ 137 |        |     |        |     |        |     |        | Ghi chú |
|-----------|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|---------|
| Câu       | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án |         |
| 1         | B      | 11  | A      | 21  |        | 31  |        |         |
| 2         | A      | 12  | C      | 22  |        | 32  |        |         |
| 3         | D      | 13  | B      | 23  |        | 33  |        |         |
| 4         | D      | 14  | B      | 24  |        | 34  |        |         |
| 5         | D      | 15  | A      | 25  |        | 35  |        |         |
| 6         | D      | 16  | B      | 26  |        | 36  |        |         |
| 7         | C      | 17  | B      | 27  |        | 37  |        |         |
| 8         | D      | 18  | B      | 28  |        | 38  |        |         |
| 9         | D      | 19  | A      | 29  |        | 39  |        |         |
| 10        | B      | 20  | C      | 30  |        | 40  |        |         |

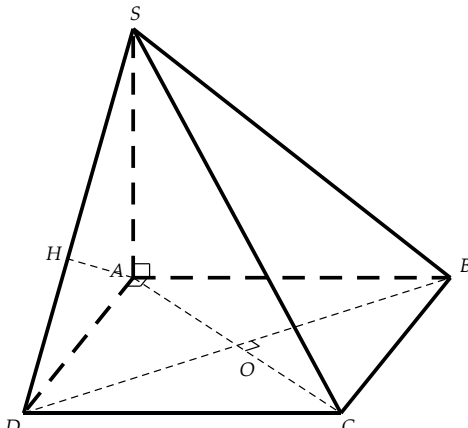
### 3. Mã đề thứ 3

| MÃ ĐỀ 116 |        |     |        |     |        |     |        | Ghi chú |
|-----------|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|---------|
| Câu       | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án |         |
| 1         | D      | 11  | A      | 21  |        | 31  |        |         |
| 2         | A      | 12  | D      | 22  |        | 32  |        |         |
| 3         | B      | 13  | A      | 23  |        | 33  |        |         |
| 4         | D      | 14  | C      | 24  |        | 34  |        |         |
| 5         | D      | 15  | B      | 25  |        | 35  |        |         |
| 6         | D      | 16  | C      | 26  |        | 36  |        |         |
| 7         | B      | 17  | D      | 27  |        | 37  |        |         |
| 8         | D      | 18  | A      | 28  |        | 38  |        |         |
| 9         | B      | 19  | D      | 29  |        | 39  |        |         |
| 10        | C      | 20  | B      | 30  |        | 40  |        |         |

### 4. Mã đề thứ 4

| MÃ ĐỀ 145 |        |     |        |     |        |     |        | Ghi chú |
|-----------|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|---------|
| Câu       | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án |         |
| 1         | A      | 11  | D      | 21  |        | 31  |        |         |
| 2         | B      | 12  | D      | 22  |        | 32  |        |         |
| 3         | D      | 13  | A      | 23  |        | 33  |        |         |
| 4         | A      | 14  | D      | 24  |        | 34  |        |         |
| 5         | B      | 15  | A      | 25  |        | 35  |        |         |
| 6         | B      | 16  | A      | 26  |        | 36  |        |         |
| 7         | C      | 17  | C      | 27  |        | 37  |        |         |
| 8         | C      | 18  | D      | 28  |        | 38  |        |         |
| 9         | B      | 19  | B      | 29  |        | 39  |        |         |
| 10        | C      | 20  | D      | 30  |        | 40  |        |         |

## B. PHẦN TỰ LUẬN

| Câu                       | Lời giải (cần viết tắt – rõ các bước được điểm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Điểm                                                                                                          | Lưu ý khi chấm |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>Câu 1<br/>(1 điểm)</b> | <p>a) <math>y = 2x^4 - \frac{1}{3}x^3 + 2\sqrt{x} - 5</math></p> <p>Ta có <math>y' = 8x^3 - x^2 + \frac{1}{\sqrt{x}}</math>.</p> <p>b) <math>y = 2\sin 4x - 3\cos(5x - 1)</math></p> <p><math>y' = 2 \cdot 4x' \sin 4x' - 3 \cdot 5x - 1' \cdot \cos(5x - 1)'</math><br/> <math>= 8\cos 4x + 15\sin(5x - 1)</math></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>                                                                            |                |
| <b>Câu 2<br/>(1đ)</b>     | <p>Cho hàm số <math>y = x^4 - 4x^2 + 2</math> có đồ thị (C). Viết phương trình tiếp tuyến của (C) tại điểm có hoành độ bằng 1.</p> <p><b>Giải:</b></p> <p><math>y' = 4x^3 - 8x</math>,<br/> <math>x_0 = 1 \Rightarrow y_0 = -1</math><br/> <math>y' \big _{x=1} = -4</math></p> <p>Phương trình tiếp tuyến cần tìm: <math>y = -4x + 3</math></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>                                                               |                |
| <b>Câu 3<br/>(3đ)</b>     |  <p>a) Chứng minh <math>(SAC) \perp (SBD)</math>?</p> <p><math>BD \perp AC</math> (đường chéo hình vuông)<br/> <math>BD \perp SA</math> (gt)<br/> <math>\Rightarrow BD \perp (SAC)</math><br/> Mà <math>BD \subset (SBD) \Rightarrow (SBD) \perp (SAC)</math>.</p> <p>b) Tính góc giữa <math>(SCD)</math> và <math>(ABCD)</math>?</p> <p><math>SCD, (ABCD) = SDA</math> (giải thích)<br/> đúng) <math>\tan SDA = \frac{SA}{AD} = \frac{2a}{a} = 2</math><br/> <math>\Rightarrow SDA \approx 63^\circ 26'</math></p> <p>c) Tính <math>d(A, (SCD))</math>?</p> <p>Trong <math>\triangle SAD</math>, vẽ đường cao AH.<br/> Ta có: <math>AH \perp SD, AH \perp CD</math><br/> <math>\Rightarrow AH \perp (SCD)</math></p> | <p>Vẽ hình<br/>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25x2</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> |                |

|  |                                                                                                                                                                                                          |                      |  |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--|
|  | $\Rightarrow d(A,(SCD)) = AH.$ $\frac{1}{AH^2} = \frac{1}{SA^2} + \frac{1}{AD^2} = \frac{1}{4a^2} + \frac{1}{a^2} \Rightarrow AH = \frac{2a\sqrt{5}}{5} \Rightarrow$ $d(A,(SCD)) = \frac{2a\sqrt{5}}{5}$ | 0.25<br>0.25<br>0.25 |  |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--|